

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 1 – GIA LAI  
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 761/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 30 - 7 - 2026

*“V/v Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – GIA LAI, TỈNH GIA LAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Hương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Viên

2. Bà Lê Thị Ngọc

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hồ Thị Mỹ Trinh là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Gia Lai, tỉnh Gia Lai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Gia Lai, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:** Ông Trần Võ Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Gia Lai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 527/2026/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2026 về ly hôn và tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 334/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Mỹ T , sinh ngày: 01/01/1980; Căn cước công dân số: 052180014333; cấp ngày 12/5/2022; Địa chỉ: Khu phố Thiện Chánh 1, phường Hoài Nhơn, tỉnh Gia Lai; có đơn xin vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Huỳnh Văn Ú , sinh ngày: 29/01/1978; Căn cước công dân số: 052078018179; Địa chỉ: 423/1 Bạch Đằng, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ T trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh Huỳnh Văn Ú đăng ký kết hôn số 127 ngày 23/10/2013 tại UBND xã Tam Quan Bắc, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định (nay là UBND phường Hoài Nhơn, tỉnh Gia Lai), tự nguyện, có tìm hiểu. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc thường phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh Ú có quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài về nhà kiếm chuyện đánh đập chị, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, lối sống nên thường xuyên cãi nhau. Đến năm 2023 mâu thuẫn gay gắt nên chị dọn ra ở riêng và vợ chồng tự sống ly thân đến nay, phần ai nấy sống không ai quan tâm đến ai.

Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu ly hôn với anh Huỳnh Văn Ú để ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Chị T và anh Ú có 01 con chung là Huỳnh Gia P, sinh ngày 11/10/2014, sức khỏe bình thường và hiện nay đang ở với anh Út. Khi ly hôn chị đồng ý giao cháu P cho anh Ú trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn, chị cấp dưỡng nuôi cháu Phú hàng tháng mỗi tháng 2.500.000 đồng.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự giải quyết không yêu cầu Tòa giải quyết.

*Bị đơn anh Huỳnh Văn, đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa làm việc, không cung cấp lời khai, văn bản trình bày ý kiến và các tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.*

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Riêng bị đơn anh Huỳnh Văn Ú không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa; đồng thời đề nghị:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Mỹ T ly hôn với anh Huỳnh Văn Ú.

- Về con chung: Giao cháu Huỳnh Gia P, sinh ngày 11/10/2014 cho anh Huỳnh Văn Ú tiếp tục nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Chị Toán có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng mỗi tháng 2.500.000 đồng.

- Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Chị Trần Thị Mỹ T là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Còn anh Huỳnh Văn Ú là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, nên theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị Mỹ T và anh Huỳnh Văn Ú là hôn nhân hợp pháp. Theo chị Toán trình bày: Chị xin ly hôn anh Ú vì tình cảm vợ chồng không còn là do anh Ú có quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài về nhà kiếm chuyện đánh đập chị, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, lối sống nên thường xuyên cãi nhau. Đến năm 2023 mâu thuẫn gay gắt nên chị dọn ra ở riêng và vợ chồng tự sống ly thân đến nay, phần ai nấy sống không ai quan tâm đến ai. Nay chị không còn tình cảm với anh Ú nên chị yêu cầu được ly hôn anh Ú để ổn định cuộc sống riêng. Quá trình giải quyết vụ án anh Huỳnh Văn Ú vắng mặt không đến Tòa làm việc. Tòa đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật yêu cầu anh Ú đến Tòa làm

việc, tạo điều kiện cho anh Út hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh Út vắng mặt.

Xét thấy hôn nhân giữa chị Trần Thị Mỹ T và anh Huỳnh Văn Ú không còn thương yêu, quý trọng, giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống vợ chồng. Do đó hôn nhân của anh, chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy yêu cầu ly hôn của chị Toán là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị T và anh Ú có 01 con chung là cháu Huỳnh Gia Phú, sinh ngày 11/10/2014. Sức khỏe cháu Phú bình thường và hiện nay đang ở với anh Ú. Khi ly hôn chị Toán đồng ý giao cháu Phú cho anh Ú trực tiếp nuôi dưỡng và chị có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng mỗi tháng 2.500.000 đồng.

Xét thấy: Cháu Huỳnh Gia P đang ở ổn định với anh Ú và cháu có nguyện vọng muốn ở với ba. Hơn nữa chị Toán cũng đồng ý giao cháu Phú cho anh Ú trực tiếp nuôi dưỡng. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu P, do đó cần giao cháu Phú cho anh Huỳnh Văn Ú trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ và phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án chị T đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu P cùng với anh Ú hàng tháng mỗi tháng 2.500.000 đồng. Đây là sự tự nguyện của chị Toán và cũng phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu nên Tòa không giải quyết.

[5] Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Trần Thị Mỹ T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

[6] Quan điểm của Kiểm sát viên đề nghị về giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Cho chị Trần Thị Mỹ T ly hôn anh Huỳnh Văn Ú t.

2. Về nuôi con chung:

- Giao cháu Huỳnh Gia P , sinh ngày 11/10/2014 cho anh Huỳnh Văn Ú trực tiếp nuôi dưỡng.

- Chị Trần Thị Mỹ T có nghĩa vụ đóng góp nuôi con với anh Huỳnh Văn Ú số tiền là 2.500.000đồng/tháng (Hai triệu năm trăm ngàn đồng một tháng).

Thời gian cấp dưỡng: Từ tháng 8/2026 trở đi cho đến khi cháu Phú thành niên (đủ 18 tuổi).

Vì lợi ích của con khi cần thiết hai bên đều có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Hai bên có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung, không bên nào được ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu nên Tòa không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Mỹ T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào tạm ứng án phí theo biên lai số 0005756 ngày 02/6/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai. Chị T phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- VKSND Khu vực 1 – Gia Lai;
- THADS tỉnh Gia Lai;
- UBND P. Quy Nhơn Bắc;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Hương**





